TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và bà Đỗ Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị C, sinh năm 1976; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Phạm Duy K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/12/1995. Quá trình chung sống, chị và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh

phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh ngày 01/11/1995; Hoàng Thị N, sinh ngày 08/12/2000, Hoàng Đức C1, sinh ngày 11/11/2008. Hiện cháu P và cháu N đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu C1 đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu C1 cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2019, chị C đi lao động tại Đài Loan. Từ khi đi, chị C vẫn thỉnh thoảng liên lạc với anh và các con. Anh không biết lý do gì chị C làm đơn xin ly hôn anh. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị C do vợ chồng sống xa cách thời gian dài nên chị C xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị C trình bày. Hiện cháu P và cháu N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu C1 đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cháu C1 và tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, chị C, anh T đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị C ly hôn anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Đức C1, sinh ngày 11/11/2008 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với cháu Hoàng Thị P và Hoàng Thị N đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Trương Thị C hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang sinh sống tại xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, chị C, anh T đều vắng mặt và có đơn, quan điểm xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C và anh Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/12/1995 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị C xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2019, chị C đi lao động tại Đài Loan. Anh T xác định không còn tình cảm với chị C do vợ chồng xa cách thời gian dài, chị C có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị C và anh Hoàng Văn T có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh ngày 01/11/1995; Hoàng Thị N, sinh ngày 08/12/2000, Hoàng Đức C1, sinh ngày 11/11/2008. Đối với cháu P và cháu N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cháu C1 hiện đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị C và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu C1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu C1, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị C và anh T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị C về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị C ly hôn anh Hoàng Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Đức C1, sinh ngày 11/11/2008 kể từ tháng 05/2025 cho đến khi cháu C1 tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Hoàng Thị P và cháu Hoàng Thị N đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trương Thị C phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do anh Phạm Duy K nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0001659 ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Hoàng Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất